

Số: 1090CV -CKDK

V/v: Giải trình báo cáo tài chính đã được soát xét
6 tháng đầu năm 2022

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2022

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
ỦY BAN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) xin gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia và các Sở Giao dịch lời chào trân trọng.

Theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Tổ chức niêm yết phải giải trình rõ nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý II đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý IV đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;
- d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

Theo đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí xin giải trình về biến động kết quả kinh doanh của 6 tháng đầu năm 2022 sau soát xét so với 6 tháng đầu năm 2022 trước soát xét như sau:

MÃ	CHỈ TIÊU	6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 (Trước soát xét)	6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 (Sau soát xét)	% THAY ĐỔI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 (Trước/sau soát xét)
1	DOANH THU HOẠT ĐỘNG	215,768,730,996	215,768,730,996	0%
	Trong đó:			
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	57,263,276,458	57,263,276,458	0%
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	12,460,397,899	12,460,397,899	0%
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	75,374,381,379	75,374,381,379	0%
1.4	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	0	0	0%
1.5	Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro			0%
1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	41,175,085,612	41,175,085,612	0%
1.7	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán			0%
1.8	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán			0%
1.9	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	2,558,329,582	2,558,329,582	0%
1.10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	19,650,826,828	19,650,826,828	0%
1.11	Thu nhập hoạt động khác	7,286,433,238	7,286,433,238	0%
2	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	646,228,881	646,228,881	0
	Trong đó:			0%
2.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	42,737,996	42,737,996	0%
2.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	603,490,885	603,490,885	0%
2.3	Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh			
2.4	Doanh thu khác về đầu tư			
3	TỔNG DOANH THU	216,414,959,877	216,414,959,877	0
4	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	120,164,115,949	139,478,373,952	16%
5	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	46,660,004,150	46,660,004,150	0%
6	CHI PHÍ BÁN HÀNG			
7	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	17,748,140,201	17,748,140,201	0%
8	TỔNG CHI PHÍ	184,572,260,300	203,886,518,303	0
9	Kết quả hoạt động khác	(3,038,088)	(3,038,088)	0%
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31,839,661,489	12,525,403,486	-61%
11	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6,704,027,099	0	-100%
12	Lợi nhuận Kế toán sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	25,132,596,302	12,525,403,486	-50%
13	Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán.		15,000,000,000	100%

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 Bộ Tài Chính ban hành thông tư 114/2021/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính 2022, bãi bỏ thông tư 146/2014/TT-BTC và quy định công ty chứng khoán quản lý tài chính theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài Chính, hướng dẫn việc trích lập

và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, **tổn thất các khoản đầu tư**, nợ phải thu khó đòi theo nội dung dưới đây:

“Căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp góp vốn, doanh nghiệp góp vốn xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư như sau:

Mức trích lập dự phòng cho từng khoản đầu tư	=	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của doanh nghiệp tại các tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng	x	Vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng	-	Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng
--	---	--	---	---	---	--

Căn cứ theo quy định trên và báo cáo tài chính của các công ty nhận đầu tư thu thập được, tại ngày 30/06/2022 Công ty thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán với giá trị: **19,314,258,003** đồng.

Đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến biến động trong kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 sau soát xét so kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 trước soát xét của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí.

Kính báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT HĐQT (để b/c)
- Ban điều hành (để biết)
- Lưu VT, TCKT.



NGUYỄN XUÂN HƯNG